

**QUỸ ETF MAFM VN30**

Số/No.: 783/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2023  
Hanoi, day 17 month 08 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*  
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
  - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 16/08/2023
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 *ETF Creation Unit* = 100,000 *ETF certificates*
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ <i>Stock</i></b>		
1	ACB	3900	6.1%
2	BCM	100	0.5%
3	BID	200	0.6%
4	BVH	100	0.3%
5	CTG	800	1.8%
6	FPT	1300	7.4%
7	GAS	100	0.7%
8	GVR	200	0.3%
9	HDB	2400	2.8%
10	HPG	3700	7.1%
11	MBB	3300	4.3%
12	MSN	700	3.9%
13	MWG	1300	4.8%
14	PLX	100	0.3%
15	POW	700	0.7%
16	SAB	100	1.1%
17	SHB	3400	3.0%
18	SSB	1700	3.4%
19	SSI	1200	2.3%
20	STB	2200	4.7%
21	TCB	2700	6.3%
22	TPB	1500	1.9%
23	VCB	700	4.2%
24	VHM	1300	5.5%
25	VIB	1500	2.1%
26	VIC	1300	6.3%
27	VJC	300	2.1%
28	VNM	1000	5.0%
29	VPB	5400	8.1%
30	VRE	1100	2.3%
<b>II.</b>	<b>Tiền / <i>Cash (VND)</i></b>	<b>2,401,438</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,464,455,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,466,856,438 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 2,401,438 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
  - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
  - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason*:

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	22,850	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	47,000	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	47,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	84,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	17,050	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	18,950	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	54,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	34,050	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	20,600	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

State if component securities shall have corporate action:

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other informations:

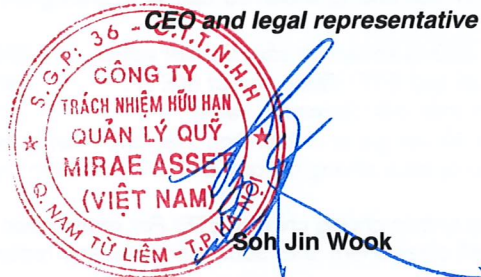
Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 16/08/2023	Kỳ trước/Last period (**) 15/08/2023	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	27,200,000	27,200,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	14,850	14,680	170
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	398,984,951,238	399,664,356,055	(679,404,817)
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,466,856,438	1,469,354,250	(2,497,812)
- của 1 CCQ/ per share	14,668.56	14,693.54	(24.98)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,256.95	1,241.24	15.71

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 15/08/2023

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 14/08/2023

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật

CEO and legal representative



Soh Jin Wook